

## ON WORD FORMS OF LANGUAGES

LÊ ĐỨC TRỌNG

College of Social Sciences and Humanities

(Received Mar. 26, 1998)

### Abstract:

As held in classic schools, the form of a word could be its variants with similar lexical meanings but different grammatical meanings or its senses could be reflected through its allomorphs. With this concept, only in inflectional languages could word forms exist.

Contemporary linguistics points out that words in analytical and uninflectional languages do bear very diversified systems of forms reflected with the help of various means, namely, auxiliary verbs, word reduplication, and word order. Thus the notions of modality, word forms could be highlighted in both synthetic and uninflectional languages.

## BÀN VỀ DẠNG THỨC CỦA TỪ TRONG CÁC NGÔN NGỮ

(Nhận được ngày 26/3/1998)

### Tóm tắt:

Theo quan niệm cổ điển, dạng thức của từ là những biến dạng của cùng một từ, đồng nhất về nghĩa từ vựng, khác nhau về nghĩa ngữ pháp hoặc sắc thái nghĩa được biểu đạt qua các biến tố trong từ. Với cách hiểu như thế, chỉ ở các ngôn ngữ biến tố từ mới có các dạng thức. Ngôn ngữ học hiện đại xác định từ trong các ngôn ngữ phân tích không biến tố cũng có hệ thống dạng thức rất phong phú được thể hiện bằng những phương thức khác nhau: bằng trợ từ, láy từ, trật tự từ. Cần phải mở rộng khái niệm về phạm trù hình thái, dạng thức của từ có thể biến hình (ở ngôn ngữ tổng hợp) và không biến hình (ở ngôn ngữ phân tích).

### I

Dạng thức của từ hiện nay còn là vấn đề chưa được quan niệm một cách thống nhất trong các công trình nghiên cứu ngôn ngữ học. Chẳng hạn, theo V.V Vinogradov thì "dạng thức của từ là những biến dạng của cùng một từ, khác nhau về những yếu tố hình thái hoặc quan hệ cú pháp và về những nghĩa phụ hoặc sắc thái nghĩa tương ứng"[1]. Theo quan điểm đó, mà hiện nay được nhiều người chấp nhận, thì *петь - пою-пел, пел бы - буду петь - спою - спел бы - поющий - певший - спевший - спев v.v*



là dạng thức của cùng một động từ; cheval - chevaux là dạng thức của cùng một danh từ. Trong khi đó thì A.A. Pochepnia chịu ảnh hưởng của triết học duy tâm chủ quan, coi "tất cả các dạng thức ngữ pháp của từ cũng như tất cả các biến nghĩa của một từ đa nghĩa là những từ riêng biệt"[2]. Giáo sư Đ.N. Usacôv, đại diện của trường phái Phortunatôv, cũng khẳng định rằng: "рука, руку, руки; пишу, пишешь, писать là những từ riêng biệt, bởi vì những phương tiện hình thái khác nhau đã đưa những biến dạng khác nhau vào ý nghĩa của thân từ"[3]. Với quan điểm tương tự, giáo sư A.M. Pescovxki viết: "Trên quan điểm khoa học mà nói thì *иду, идёшь, идёт* hoặc *стол, стола, столу* quả là những từ khác nhau. Nhưng để tiện, người ta thường gọi nhóm từ này hoặc khác như thế là từ"[4].

Sự phức tạp của vấn đề không những chỉ do những quan điểm khác nhau của các nhà nghiên cứu về bản chất dạng thức của từ, mà còn có liên quan tới một số khái niệm khác về từ vốn dĩ chưa được hoàn toàn sáng tỏ. Đó là vấn đề về ranh giới của từ và các biến thể của nó trong hoạt động của ngôn ngữ. Tuy ranh giới của từ đang còn là vấn đề tranh cãi và còn cần phải được nghiên cứu đầy đủ hơn nữa, người ta vẫn có thể tiến hành nghiên cứu những phạm trù khác nhau của từ, trong đó có vấn đề hình thái. Ở đây thường có sự nhầm lẫn giữa dạng thức và biến thể của từ (lexical variants). Chẳng hạn, viện sĩ V.V. Vinogradôv đã tách ra cái gọi là dạng thức từ vựng - mỗi một nghĩa của từ đa nghĩa kèm theo cái vỏ âm thanh của nó là một dạng thức kiểu này - và ông đã liệt kê vào loại dạng thức ấy cả những biến thể hình thái âm vị và biến thể từ nguyên (như *палатализироваться - палатализоваться ; патогенез-папогенезис ; семинар - семинарий ; пекло - пёкло ; зал - зала ; отзыв - отзыв ; призрак - призрак v.v*) [5]. Thật ra giữa dạng thức của từ và biến thể của từ có một ranh giới rất rõ. Dạng thức của từ khác nhau về những yếu tố hình thái (hình thái hiểu theo nghĩa rộng chứ không phải theo quan niệm cổ điển) và đồng thời cũng khác nhau về những sắc thái ý nghĩa phụ trong khi ý nghĩa vật chất, ý nghĩa từ vựng vẫn là một. Biến thể của từ có thành phần hình vị như nhau; sự khác nhau giữa chúng không đáng kể, chủ yếu về phương diện cấu tạo từ và âm vị học, và không có sự khác biệt về nghĩa. Nói một cách khác, về hình thức thì dạng thức của từ khác nhau cả về mặt hình thái - cấu tạo dạng, lẫn về nội dung - về ý nghĩa phụ hoặc sắc thái ý nghĩa; còn biến thể của từ chỉ khác nhau rất nhỏ về mặt cấu tạo từ hoặc về âm vị học trong khi nội dung không hề thay đổi. Hãy so sánh: *я - мне - мной* và *мною - мною ; шкаф - шкафа - шкафу* và *шкаф - шкаф ; fly - flew* và *quarenden - quarender, tzar - craz v.v*.

## II

Theo quan niệm cổ điển, chỉ ở những ngôn ngữ tổng hợp có một hệ thống các biến tố thì từ mới có thể có những hình thái khác nhau. Nhiều nhà ngôn ngữ học hiện đại cho rằng quan niệm ấy ngày nay không còn phù hợp nữa và



khái niệm về dạng thức của từ cần phải được mở rộng. Dạng thức của từ không nhất thiết phải gắn liền với hệ thống các biến tố mà còn có thể biểu hiện bằng những phương thức khác, như bằng những cấu trúc phân tích tính, trật tự từ, giới từ, hậu từ, láy từ v.v. Trên thực tế những mối quan hệ khác nhau giữa các từ được thể hiện bằng những phương thức khác nhau về hình thái trong các ngôn ngữ khác nhau, nhưng hoàn toàn giống nhau về mặt nội dung. Ta có thể thấy rõ điều đó qua sự so sánh hình thức biểu đạt và nội dung biểu đạt của cụm từ sau đây trong những ngôn ngữ khác nhau :

- дом моего отца (tiếng Nga).
- the house of my father (tiếng Anh).
- la maison de mon père (tiếng Pháp).
- nhà của bố tôi (tiếng Việt).

Trong những đoạn ngữ trên, xét về mặt chức năng thì biến tố cách II -a của tiếng Nga không khác gì giới từ *of* trong tiếng Anh, giới từ *de* trong tiếng Pháp và giới từ *của* trong tiếng Việt. Như vậy có thể cho rằng mối quan hệ sở hữu trong tiếng Nga được biểu hiện bằng dạng thức cách II của từ, trong khi đó ở tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Việt thì cũng mối quan hệ đó lại được biểu hiện bằng giới từ. Trong trường hợp ấy giới từ cùng với danh từ gộp lại, tạo nên cái gọi là cấu trúc phân tích (analytical construction). Loại cấu trúc ấy có ba đặc điểm sau đây :

- Tương đương với các cách xét về chức năng cú pháp cũng như về nghĩa.
- Trong quá trình phát triển lịch sử của ngôn ngữ đã cạnh tranh với các cách và thay thế một phần hoặc hoàn toàn (đặc biệt là trong các ngôn ngữ phân tích) cho các cách.
- Trong trường hợp đó giới từ mất dần ý nghĩa sự vật ban đầu của mình, biến thành yếu tố hình thái biểu đạt mối quan hệ cú pháp trừu tượng.

Chính vì vậy ngay trong các ngôn ngữ tổng hợp cũng có cả những dạng thức phân tích của từ. Những dạng thức phân tích này hoặc tồn tại song song với những dạng thức tổng hợp đồng nghĩa (ss.: *будет изучать - изучит ; идите - пусть все идут ; красивейший - самый красивый - наиболее красивый ; красивее-более красивый v.v...*) hoặc tồn tại độc lập vì không có dạng thức tổng hợp tương ứng (ss.: *fly, flew và is flying, has been flying, will fly v.v...*). Bên cạnh đó có cả cái gọi là *dạng thức phân tích-tổng hợp* của từ. Loại dạng thức này được cấu tạo bởi một thực từ đã có dạng tổng hợp và một hư từ, bởi vì chỉ một dạng thức tổng hợp đó chưa đủ để biểu hiện một ý nghĩa ngữ pháp nhất định. Ví dụ :

Он купил брату эту книгу

Он купил эту книгу для брата



trong đó брать là dạng thức tổng hợp, для брата là dạng thức phân tích-tổng hợp.

Đối với các ngôn ngữ phân tích không có sự biến hình của từ thì từ có dạng thức hay không? Đó là vấn đề mà nhà nghiên cứu ngôn ngữ, đặc biệt là các nhà nghiên cứu ngôn ngữ Phương Đông, rất quan tâm.

L.V. Serba đã khẳng định rằng dạng thức ngôn ngữ hoàn toàn không phải chỉ thể hiện bằng các biến tố như người ta tưởng[6]. Theo nhận xét của V.M Jirmunxki, từ cuối thế kỷ 19 các nhà ngôn ngữ học đã bắt đầu nghiên cứu những ngôn ngữ hiện đại có một hệ thống dạng thức phân tích rất phát triển, những phạm trù hình thái truyền thống bó hẹp của ngữ pháp cổ điển đã bị coi như vật chướng ngại đối với việc phân tích các mối quan hệ ngữ pháp đích thực[7]. Ngay những nhà nghiên cứu theo học thuyết "Ngữ pháp trẻ" cũng đã bắt đầu phản đối việc "thần tượng hóa" các dạng thức biến tố một cách không đúng mức và đã xác nhận giá trị như nhau của các phương thức biểu hiện ý nghĩa ngữ pháp khác nhau. A.M. Pescôvski cũng đã thấy cần thiết phải mở rộng khái niệm về phạm trù hình thái. Theo ông, thực chất của vấn đề là ở ý nghĩa của phạm trù hình thái chứ không phải ở hình thức diễn đạt ý nghĩa đó. Một ý nghĩa hình thái càng quan trọng đối với ngôn ngữ chừng nào thì nó được biểu hiện bằng những phương thức càng nhiều và đa dạng chừng ấy. Hình như ngôn ngữ hướng tới mục đích thể hiện một ý nghĩa cho sẵn bằng tất cả các phương tiện sẵn có của mình, và nhiệm vụ của nhà ngôn ngữ là không những chỉ tìm ra một ý nghĩa nào đó ở một yếu tố nào đó, mà còn phải phát hiện tất cả các yếu tố của ngôn ngữ thể hiện ý nghĩa ấy cho dù những yếu tố đó có đa dạng đi chăng nữa[8].

Với quan điểm tương tự về hình thái của từ, C.Đ. Casnensơn đã hiểu rất rộng về hình thái học, coi đó như là một khoa học về tất cả các dạng thức ngữ pháp - dạng thức biến hình cũng như dạng thức không biến hình. Theo quan niệm đó về hình thái, người ta cho rằng có thể giải quyết được vấn đề về hình thái của nhiều ngôn ngữ phân tích, như của tiếng Hán chẳng hạn. Nếu cho rằng tiêu chí hình thái bao gồm không những chỉ các phụ tố và những thành phần chấp dính, mà còn cả những yếu tố ngữ điệu-âm điệu, hư từ, trật tự từ, ghép từ v.v..., nếu hình thái học được coi như một khoa học về hình thái ngữ pháp nói chung chứ không phải chỉ là khoa học hình thái biến tố, thì như tiếng Hán chẳng hạn, hoàn toàn không phải là ngôn ngữ không biến hình, mà trái lại là một thứ tiếng có hình thái cực kỳ phức tạp và phong phú mặc dù đó là ngôn ngữ không có biến tố[9].

Cũng theo Casnensơn, hình thái học hỗn hợp của ngôn ngữ phải dựa vào khái niệm về phạm trù hình thái mà hiện nay đã phân hóa và tách khỏi quan điểm cũ về nó. Ngày nay cần phân biệt những phạm trù hình thái chuyên biệt, có nghĩa là phân biệt một bên là phạm trù hình thái biến tố, còn bên kia là phạm trù của một hình thái khác - hình thái không biến tố.



M.I. Xteplin-Camenxki có nhận xét như sau : "Tổ hợp hư từ với thực từ tuy bên ngoài có tính chất "cú pháp" bởi vì nó là kết hợp của những từ riêng biệt chứ không phải của các bộ phận của từ, vẫn có thể có tính chất "hình thái" về nghĩa. Những tổ hợp "hình thái" như thế đương nhiên thuộc về lĩnh vực hình thái học"[10].

Như vậy, như đã trình bày ở trên, hiện nay rất phổ biến những quan niệm về loại hình thái học không biến tố, theo đó các nhà nghiên cứu ngữ pháp ngôn ngữ Phương Đông đã bắt đầu xem xét về hình thái của từ ở các ngôn ngữ phân lập. Vì loại dạng thức này của từ mới được nghiên cứu bước đầu và cũng do có sự hiểu biết chưa đầy đủ về bản chất của chúng, cho nên ở đây thường thấy những lập luận khác nhau về cách giải quyết cùng một vấn đề. Chẳng hạn, Hay-Won Xunoo khẳng định rằng danh từ tiếng Triều Tiên không biến cách, và ông gọi các phụ tố biểu hiện mối quan hệ về cách là hậu tố[11]. Ngược lại, A.A. Khôlôdôvich đã phân biệt 9 cách trong tiếng Triều Tiên[12]. Tương tự như vậy, Hideichi On khẳng định rằng trong tiếng Nhật không có các cách, vì ở đây các mối quan hệ về cách thể hiện bằng trợ từ[13], trong khi đó O.V. Pletner và E. Đ. Polivanôv đã tách ra 11 cách[14] v.v... Cũng đã có những nghiên cứu cho rằng trong tiếng Tạng có tám cách, tiếng Hindi có 3 cách v.v...

Điều kỳ lạ là người ta thường coi những thứ tiếng có các mối quan hệ về cách thể hiện nhờ giới từ là không có phạm trù cách, trong khi đó không một nhà ngôn ngữ nào lại khẳng định rằng không có phạm trù ngữ pháp về thời gian trong những ngôn ngữ mà thời của động từ được biểu hiện bằng các tổ hợp trợ động từ với động tính từ và ngay với cả động từ thực nữa. Ngay trong các ngôn ngữ tổng hợp, nhiều cách được thể hiện bằng cả biến tố và giới từ, thậm chí như giới cách trong tiếng Nga chẳng hạn, luôn luôn phải kết hợp với giới từ.

Tuy nhiên quan niệm về loại hình thái không biến tố được trình bày ở trên cũng chỉ mới bắt đầu hình thành trong thời gian gần đây. Nó cần được thử thách, củng cố và phát triển.

### III

Cho đến nay, khi nói về dạng thức của từ, người ta thường chỉ hiểu đó là dạng thức ngữ pháp, tức một hình thái của từ thể hiện một hoặc vài ý nghĩa ngữ pháp nhất định. Tuy nhiên, như đã nói ở trên, ngay loại dạng thức này cũng không đồng nhất, nó bao gồm cả loại dạng thức tổng hợp lẫn dạng thức phân tích.

Tiếng Việt thuộc loại ngôn ngữ phân lập, không biến tố. Tuy nhiên, theo quan niệm mới về phạm trù hình thái, có thể cho rằng từ tiếng Việt cũng có những dạng thức nhất định như một số ngôn ngữ phương Đông khác. Dạng thức của từ trong tiếng Việt là loại dạng thức phân tích, tức bao gồm thực từ thể hiện ý nghĩa từ vựng, còn ý nghĩa ngữ pháp thì được thể hiện ở những trợ từ kèm theo hoặc bằng trật tự từ. Dù cho rằng trong tiếng Việt cũng có dạng thức, thì



còn nhiều vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu và làm sáng tỏ, như : dạng thức của từ được biểu hiện bằng những phương thức cụ thể nào, thể hiện những phạm trù ngữ pháp nào và có ở những loại từ nào v.v... Tất nhiên, so với từ của các ngôn ngữ tổng hợp thì hệ thống các dạng thức ngữ pháp của từ tiếng Việt có hạn chế hơn nhiều do một số phạm trù ngữ pháp không được thể hiện ở một số nhóm từ nhất định, chẳng hạn như phạm trù ngôi và số ít, số nhiều của động từ, phạm trù giống và số của tính từ và đại từ sở hữu, phạm trù giống ở những danh từ chỉ sự vật, hành động, tính chất v.v...

Có thể phân biệt các phương thức cấu tạo dạng thức ngữ pháp cơ bản sau đây của từ trong tiếng Việt :

**I. BẰNG NHỮNG CẤU TRÚC PHÂN TÍCH, TRONG ĐÓ TỪ GỐC MANG Ý NGHĨA VẬT CHẤT, CÒN HƯ TỪ THỂ HIỆN Ý NGHĨA NGỮ PHÁP. BẰNG CÁCH NÀY CÓ THỂ CẤU TẠO CÁC DẠNG THỨC CỦA TỪ NHƯ**

**1. Thời của động từ :**

*học - đang học, đã học, sẽ học, sắp học, vừa học, học rồi.*

**2, Thức của động từ :**

*học - hãy học !, học đi !*

**3. Cấp so sánh của tính từ :**

*hay hơn, tốt hơn, nhanh hơn, lanh hơn;*

*hay hơn cả, tốt hơn cả, nhanh hơn cả, lanh hơn cả;*

*hay nhất, tốt nhất, nhanh nhất, lanh nhất.*

**4. Phạm trù số của danh từ và đại từ nhân xưng :**

*dân tộc - những dân tộc - các dân tộc - vài dân tộc - mấy dân tộc;*

*anh - các anh, mấy anh; chị - các chị, mấy chị.*

**5. Phạm trù cách của danh từ và đại từ nhân xưng :**

*tôi - của tôi, cho tôi, về tôi, đối với tôi, theo tôi, quanh tôi, trên tôi, dưới tôi, cạnh tôi, bên tôi, trước tôi, sau tôi;*

*xe - bằng xe, trên xe, dưới xe, quanh xe, giữa xe, trước xe, sau xe, cạnh xe, trong xe, ngoài xe;*

*buổi học - trước buổi học, sau buổi học, giữa buổi học.*

Nhiều trợ từ và giới từ trong các cấu trúc phân tích này xuất phát từ những thực từ, dần dần mất hẳn hoặc một phần ý nghĩa vật chất ban đầu, và chuyển sang ý nghĩa quan hệ trừu tượng, một kiểu nghĩa khác với nghĩa ban đầu. Trong trường hợp này thường xảy ra hiện tượng chuyển đổi từ loại, từ thực từ đến hư từ .

Hãy so sánh :

"tầng trên, tầng dưới" và "trên nhà, dưới nhà" (tính từ → giới từ).

"nhà trước, nhà sau" và "trước nhà, sau nhà" (tính từ → giới từ).

"nói theo, làm theo, đi theo" và "theo tin tức, theo luật lệ, theo tôi"  
v.v. (phó từ → giới từ).

## II. BẢNG PHƯƠNG THỨC LÁY TỪ

Dạng thức số nhiều của danh từ có thể cấu tạo bằng phương thức này :  
*người người, ngành ngành, tầng tầng, lớp lớp.*

Phương thức này ít thông dụng để cấu tạo các dạng thức ngữ pháp của từ.

## III. BẢNG PHƯƠNG THỨC TRẬT TỰ TỪ .

Bảng phương thức này có thể phân biệt các cách [15] của danh từ và đại từ nhân xưng. Ví dụ:

- "*Tôi gặp mẹ*" và "*Mẹ gặp tôi*".

Trong câu đầu "Tôi" là chủ cách, "mẹ" là đối cách; ngược lại trong câu sau thì "Mẹ" là chủ cách và "tôi" là đối cách.

- "*Đi xe về Hà Nội*" và "*Xe đi về Hà nội*".

Từ "xe" trong câu thứ nhất phải ở "công cụ cách", và "xe" trong câu thứ hai là chủ cách.

- "*Đưa tôi quyển sách*" và "*Đưa quyển sách tôi*".

Trong câu thứ nhất có thể thêm giới từ "cho" → "*Đưa cho tôi quyển sách*", và "tôi" phải là tặng cách. Ngược lại "tôi" trong câu thứ hai là sở hữu cách, ở đây có thể thêm giới từ "của" → "*Đưa quyển sách của tôi*".

Phương thức cấu tạo dạng bằng trật tự từ có thể kết hợp với phương thức hư từ :

"*Tôi gặp mẹ*" = "*Mẹ thì tôi gặp*".

"*Mẹ gặp tôi*" = "*Tôi thì gặp mẹ*".

Trên đây là một vài suy nghĩ về phạm trù hình thái của từ trong tiếng Việt trên bình diện ngữ pháp. Nhưng phạm trù về hình thái không phải chỉ bó hẹp trong phạm vi ngữ pháp học. Nếu ta hiểu hình thái của từ là những biến dạng mà ngoài ý nghĩa cơ bản - ý nghĩa vật chất - ra còn biểu hiện nghĩa phụ hoặc sắc thái ý nghĩa, thì dạng thức của các đơn vị từ vựng phải bao gồm cả dạng thức ngữ pháp lẫn *dạng thức biểu cảm - nhấn mạnh* hoặc *biểu cảm - giảm nhẹ*.

Dạng thức biểu cảm-nhấn mạnh của từ trong tiếng Việt tương đối hạn chế so với dạng thức biểu cảm - giảm nhẹ. Cả hai loại dạng thức cảm này đều được biểu hiện bằng phương thức láy từ.



1. Dạng thức biểu cảm-nhấn mạnh : *này này, kia kia (kia kia), đây đây, được được, chết chết, đâu đâu*[16], *nói nói, cười cười, không không v.v...*
2. Dạng thức biểu cảm-giảm nhẹ được cấu tạo bằng ba kiểu láy từ :
  - a) láy từ hoàn toàn : *mừng mừng, vui vui, xanh xanh, to to, rộng rộng, khá khá, vàng vàng, chua chua.*
  - b) láy từ kèm theo biến đổi thanh điệu : *đỏ đỏ, tím tím, lạnh lạnh, âm âm, nhẹ nhẹ, nhỏ nhỏ, khe khe, nóng nóng, chậm chậm, khó khó v.v...*
  - c) láy phụ âm đầu của âm tiết gốc : *tôn tốt, ren rét, nhưng nhức, hèm hẹp, đềm đẹp v.v...*
3. Dạng thức biểu cảm-chê bai - láy phụ âm đầu : *xiếc - xiếc xứng, kịch - kịch củng, tiệc - tiệc tủng.*  
*tốt - tốt tiếc, gớm - gớm ghiếc, kịch - kịch kiếc, phim - phim phiếc v.v. [17].*

Đối với những từ đa tiết, những dạng thức trên của từ có thể được cấu tạo bằng cách láy từng âm tiết một; ví dụ : *mơ màng - mơ mơ màng màng; buồn tủi - buồn buồn tủi tủi; vội vàng - vội vội vàng vàng v.v...* Ở những từ đa tiết cũng có thể cấu tạo dạng thức biểu cảm bằng cách láy hoàn toàn từ đó + láy âm tiết đầu + láy phụ âm đầu của âm tiết thứ hai; ví dụ : *xinê - xinê xi niếc; cà phê - cà phê cà phiếc; công tác - công tác công tiếc, sáng tác - sáng tác sáng tiếc v.v...*

Cũng có trường hợp dạng thức biểu cảm của từ được biểu hiện bằng phương thức láy từ kết hợp với trợ từ; ví dụ : *phở - phở [với] phiếc, bún - bún [với] biếc; cà phê - cà phê [với] cà phiếc v.v...*

Ở đây cũng cần phân biệt phương thức láy từ cấu tạo dạng và phương thức láy từ cấu tạo từ [18].

Hãy so sánh :

**Cấu tạo dạng**

*vui vui, buồn buồn*

*đây đây*

*tôn tốt*

*rộng rộng*

*nhưng nhức*

**Cấu tạo từ**

*chuồn chuồn, châu châu*

*đom đóm, ba ba, bìm bìm, bưng bưng*

*đôn đốt*

*lồng lộng*

*rưng rức*

Chúng tôi chỉ đề cập đến một số hiện tượng để chứng minh rằng từ trong tiếng Việt có thể có dạng thức của nó. Vì vậy ở đây chưa mô tả hết tất cả các loại dạng thức có thể có và phương thức cấu tạo dạng của từ tiếng Việt. Việc làm này tất nhiên cần phải được tiếp tục nghiên cứu lâu dài.



## CHÚ THÍCH

- [1]. Исследования по русской грамматике (Избранные труды). М. 1975, С.39
- [2]. А.А. Потебня. Из записок по русской грамматике, IV, М.-Л., 1941, С.96.
- [3]. Д.Н. Ушаков Краткое введение в науку о языке Изд.7.М., 1925, С.68
- [4]. А.М. Пешковский. Наш язык, ч.2., Книга для учителя. Изд. 2. , 1925, с. 32.
- [5]. В.В. Виноградов. X. sách đã dẫn, 44-45.
- [6]. х.: Л.В. Щерба. Преподавание иностранных языков в средней школе ; С.41.
- [7]. х.: В.М. Тирмунский. Об аналитических конструкциях ; с.15-6
- [8]. А.М.Пешковский. Русский синтаксис в научном освещении. М., 1938, с. 74
- [9]. С.Д. Кацнельсон. О грамматической категории. " Вестник ЛГУ", 1948,
- [10]. М.И. Стеблин-Каменский. Грамматика норвежского языка. М.-Л., 1957, с.21.
- [11]. х. :Hay-Won Sunoo. A Korean grammar. Praha, 1925,с.25.
- [12]. х.: А.А. Холодович. Очерк грамматики корейского языка.М., 1954, с. 54-55.
- [13]. х.: Hideichi Ono. Japanese grammar. Tokyo, 1973,с.334.
- [14]. Е.Д. Поливанов, О.В. Плетнер. Грамматика японского разговорного языка.М., 1939,с.12.
- [15]. Theo quan điểm của chúng tôi, trong tiếng Việt cũng có phạm trù về cách. Tuy nhiên cần phải nghiên cứu xem có bao nhiêu cách, ý nghĩa cơ bản của các cách và các phương thức thể hiện các ý nghĩa đó.
- [16]. Có thể tìm thấy sự tương đồng trong tiếng Nga về phương thức láy từ trong sự cấu tạo dạng thức biểu cảm nhấn mạnh; Ví dụ : сидит – сидит, синий – синий, едва – едва, еле – еле . Dạng thức này có thể cấu tạo bằng phương thức tiếp tố : чёрный – чёрненький, тихий – тихонький, умный – умненький v.v.
- [17]. Một vài nhà nghiên cứu coi "iêc" là hình vi của từ trong tiếng Việt. Tuy nhiên ý kiến này còn phải xem lại.
- [18]. Trong tiếng Nga cũng có hiện tượng cấu tạo bằng phương thức lặp láy; ss .: чуть-чуть, вот-вот (вот-вот он придёт) thán từ ни-ни !